

Số: 1102/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 19 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 511/TTr-TNMT ngày 13/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Tình – Cư trú tại: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 109.860.272 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm linh chín triệu tám trăm sáu mươi triệu hai trăm bảy mươi hai đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.





- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Đông Phong.
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thi hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Tình có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Đông Phong, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BẢNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).**

Kèm theo Quyết định số: **1402** /QĐ-UBND ngày **19** tháng **7** năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
1	Hộ ông: Nguyễn Xuân Tình					
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				109.860.272	
a	Về đất				73.710.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	81,9			
2	Loại đất					
	Đất ở (Đường đi Đông Pao đoạn đường từ tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch đến hết địa phận phường Đông Phong)	m ²	81,9	900.000	73.710.000	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Đất ông Tình tự khai hoang từ trước năm 1993 sử dụng là đất trồng cây hàng năm đến năm 2002 làm nhà ở và sử dụng với mục đích đất ở và đất trồng cây hàng năm khác đến nay, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp. Phần diện tích đất chồng lấn lên đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý là đất của gia đình khai phá nhưng chưa được đo vẽ, quy chủ và gia đình đã đưa vào sử dụng là đất BHK từ trước năm 2004					
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản về nhà ở ông tình tạo lập năm 2009 trên đất ở và đất nông nghiệp, đúng mục đích, gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất)				30.804.856	
	Phần tài sản nằm trên đất đã thu hồi					
1	Lưới B40 (hỗ trợ di chuyển) (34*1,2)	m ²	40,8	25.000	1.020.000	
2	Tường xây gạch bi tường 12 cm (35,5*1,5)	m ²	53,3	127.600	6.794.700	
3	Cổng sắt (1,9*2)	m ²	3,8	825.000	3.135.000	
4	Trụ cổng xây gạch bi (0,4*0,4*2,2)	m ³	0,4	546.700	192.438	
5	Khung sắt lưới B40 (14*1,2)	m ²	17	123.200	2.069.760	
6	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1,5*1,9)	m ²	2,9	83.600	238.260	
7	Cọc BT CT	cọc	15,0	70.000	1.050.000	
8	Cọc BT CT cột điện (0,3*0,3*6)	m ³	0,5	1.393.700	752.598	
9	Thép chữ V dày 1,5 ly	m	3,0	13.600	40.800	
10	Ống nhựa HDPE Φ 20	m	25,0	12.400	310.000	
11	Ống PPR Φ 20	m	5,0	27.400	137.000	
	Phần tài sản nằm trên diện tích thu hồi mới					
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,2*1)	m ²	5,2	334.400	1.738.880	
2	Bán mái khung sắt lợp tôn (7,7*1,8)	m ²	13,9	334.400	4.634.784	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
3	Nền láng VXM dày 3 cm (7,7*1,8)+(5,2*1) nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn	m ²	19,1	39.600	754.776	
4	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1,5*1,5)	m ²	2,3	127.600	287.100	
5	Máng tôn	m	5,0	48.300	241.500	
6	Tôn quây (5,2*0,6)	m ²	3,1	57.000	177.840	
	Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được	m ²				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,2*1,2)	m ²	6,2	334.400	2.086.656	
2	Bán mái khung sắt lợp tôn (7,7*1,7)	m ²	13,1	334.400	4.377.296	
3	Nền láng VXM dày 3 cm (7,7*1,7)+(5,2*1,2) nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn	m ²	19,3	39.600	765.468	
<i>c</i>	<i>Về cây cối hoa màu</i>				5.345.416	
	Nằm trên đất đã thu hồi					
1	Cây châu D60; h10	cây	10,0	220.000	2.200.000	
2	Cây sấu D30; h6 (3 cây)	m ³	1,3	480.000	610.416	
3	Chậu cây cảnh	Chậu	20,0	24.000	480.000	
4	Cây chanh trồng hạt năm thứ 4	Cây	1,0	202.000	202.000	
5	Hoa cây cảnh cho thu hoạch	m ²	2,0	48.000	96.000	
6	Cây chuối cao trên 1,2	Cây	5,0	25.000	125.000	
7	Cây bơ bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	360.000	720.000	
8	Cây bưởi bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	360.000	720.000	
9	Cây Đào trồng hạt năm thứ 4	Cây	1,0	192.000	192.000	

